BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY CÁC KHÓA TỪ 2014 ĐẾN 2018 (CƠ SỞ HÀ NỘI) ĐƯỢC CÔNG NHẬN CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH - ĐỢT T05/2023

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-HV ngày /05/2023 của Giám đốc Học viện)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Chứng chỉ Tiếng Anh				Học/thi HP Tiếng Anh		Ghi chú
					Loại chứng chỉ	Điểm	Thời hạn của chứng chỉ	Nơi cấp	Học phần	Điểm	
1	B14DCAT075	Nguyễn Đăng	**Văn**	D14CQAT01-B	TOEIC	520	23/04/2025				
2	B14DCAT065	Trần Quốc	**Phong**	D14CQAT01-B	APTIS	B2	08/01/2025				
3	B15DCAT111	Đào Trường	**Long**	D15CQAT03-B	TOEIC	480	19/11/2023				
4	B15DCVT147	Hoàng Trung	**Hiếu**	D15CQVT03-B	APTIS	B1	20/03/2025				
5	B15DCVT402	Lê Quang	**Tiệp**	D15CQVT02-B	APTIS	B1	03/04/2025				
6	B15DCVT026	Bùi Đình	**Bằng**	D15CQVT02-B	APTIS	B2	20/03/2025				
7	B15DCAT165	Đỗ Văn	**Toàn**	D15CQAT01-B	TOEIC	570	23/04/2025				
8	B15DCCN657	Lê Văn	**Vũ**	D15CQCN08-B	TOEIC	510	20/04/2025				
9	B15DCCN047	Vũ Hồng	**Anh**	D15CQCN03-B	TOEIC	615	25/04/2024				
10	B15DCPT256	Tô Văn	**Tuấn**	D15TKDPT1	APTIS	B1	12/03/2025				
11	B15DCKT199	Nguyễn Trọng	**Tùng**	D15CQKT03-B	TOEIC	655	09/05/2025				
12	B15DCKT150	Nguyễn Ngọc	**Sơn**	D15CQKT02-B	TOEIC	550	09/05/2025				
13	B15DCCN182	Trần Minh	**Hải**	D15CQCN06-B					B12	8.1	
14	B16DCCN210	Nguyễn Quang	**Linh**	D16CQCN02-B	APTIS	B1	10/04/2025				
15	B16DCCN314	Bùi Văn	**Thận**	D16CQCN02-B	APTIS	B2	09/04/2025				
16	B16DCCN290	Vũ Minh	**Quảng**	D16CQCN02-B	APTIS	B2	09/04/2025				
17	B16DCVT081	Nguyễn Ngọc	**Dũng**	D16CQVT01-B	APTIS	B2	25/02/2025				

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Chứng chỉ Tiếng Anh				Học/thi HP Tiếng Anh		Ghi chú
					Loại chứng chỉ	Điểm	Thời hạn của chứng chỉ	Nơi cấp	Học phần	Điểm	
18	B16DCAT046	Chu Minh	**Hải**	D16CQAT02-B	APTIS	B2	27/03/2025				
19	B16DCCN396	Hoàng Thế	**Tùng**	D16CQCN04-B	APTIS	B1	13/02/2025				
20	B16DCDT048	Nguyễn Trung	**Dũng**	D16CQDT04-B	APTIS	B1	17/04/2025				
21	B16DCAT175	Lê Văn	**Vĩ**	D16CQAT03-B	APTIS	B1	13/03/2025				
22	B16DCVT235	Dương Xuân	**Pháp**	D16CQVT03-B	APTIS	B2	19/03/2025				
23	B16DCDT091	Ngô Khắc	**Hùng**	D16CQDT03-B	APTIS	B1	06/03/2025				
24	B16DCVT301	Trần Văn	**Thuận**	D16CQVT05-B	APTIS	B1	06/03/2025				
25	B16DCCN402	Đào Văn	**Tuyên**	D16CQCN02-B	APTIS	B1	06/03/2025				
26	B16DCVT132	Đặng Xuân	**Hoạt**	D16CQVT04-B	APTIS	B1	26/02/2025				
27	B16DCVT124	Vũ Trung	**Hiếu**	D16CQVT04-B	APTIS	B1	19/02/2025				
28	B16DCVT289	Lê Đình	**Thịnh**	D16CQVT01-B	APTIS	B1	26/02/2025				
29	B16DCDT084	Nguyễn Xuân	**Hoàn**	D16CQDT04-B	APTIS	B1	05/03/2025				
30	B16DCMR083	Nguyễn Thị	**Oanh**	D16CQMR01-B	TOEIC	460	22/04/2025				
31	B16DCDT148	Đinh Hải	**Nam**	D16CQDT04-B	TOEIC	635	11/12/2024				
32	B16DCCN209	Lường Quang	**Linh**	D16CQCN01-B	TOEIC	595	18/03/2025				
33	B16DCMR104	Hạ Thị Huyền	**Trang**	D16CQMR02-B	TOEIC	500	03/02/2025				
34	B16DCDT206	Trần Thanh	**Toàn**	D16CQDT02-B	TOEIC	565	26/03/2025				
35	B16DCCN007	Hoàng Thị Lan	**Anh**	D16CQCN07-B	TOEIC	450	25/04/2025				
36	B16DCCN298	Hàn Hồng	**Sơn**	D16CQCN02-B	TOEIC	530	16/03/2025				
37	B16DCCN135	Đoàn Trọng	**Hiệp**	D16CQCN07-B	TOEIC	625	31/03/2025				
38	B16DCCN163	Hoàng Đỗ Việt	**Hưng**	D16CQCN03-B	TOEIC	490	03/04/2025				
39	B16DCMR080	Vũ Thị Hồng	**Nhật**	D16CQMR02-B	TOEIC	575	01/04/2025				
40	B16DCDT042	Phạm Anh	**Đức**	D16CQDT02-B	TOEFL IBT	76	21/02/2024				

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Chứng chỉ Tiếng Anh				Học/thi HP Tiếng Anh		Ghi chú
					Loại chứng chỉ	Điểm	Thời hạn của chứng chỉ	Nơi cấp	Học phần	Điểm	
41	B16DCDT061	Bùi Văn	**Hậu**	D16CQDT01-B	TOEIC	505	26/03/2025				
42	B16DCDT236	Phạm Thị	**Yến**	D16CQDT04-B	TOEIC	515	02/02/2025				
43	B16DCCN240	Phạm Duy	**Nam**	D16CQCN08-B	APTIS	B1	26/03/2025				
44	B16DCCN067	Tạ Khắc	**Đạt**	D16CQCN03-B	APTIS	B1	22/04/2025				
45	B16DCCN124	Lưu Văn	**Hải**	D16CQCN04-B	APTIS	B1	14/05/2025				
46	B16DCCN132	Vũ Đức	**Hậu**	D16CQCN04-B	APTIS	B2	14/05/2025				
47	B16DCMR071	Nguyễn Hữu	**Mạnh**	D16CQMR01-B	TOEIC	490	16/05/2025				
48	B16DCCN269	Nguyễn Hoàng	**Phúc**	D16CQCN05-B	APTIS	B1	18/10/2024				
49	B16DCDT155	Nguyễn Đức	**Nhân**	D16CQDT03-B	APTIS	B2	05/03/2025				
50	B17DCQT113	Lê Thị ánh	**Nguyệt**	D17CQQT01-B	APTIS	B1	26/03/2025				
51	B17DCAT043	Hoàng Minh	**Đức**	D17CQAT03-B	APTIS	B1	24/04/2025				
52	B17DCAT181	Nguyễn Văn	**Tiến**	D17CQAT01-B	APTIS	B1	26/02/2025				
53	B17DCCN018	Lê Thế	**Anh**	D17CQCN06-B	APTIS	B1	06/03/2025				
54	B17DCCN061	Nguyễn Ngọc	**ánh**	D17CQCN07-B	APTIS	B2	14/05/2025				
55	B17DCCN119	Tiêu Văn	**Đạt**	D17CQCN11-B	APTIS	B2	20/03/2025				
56	B17DCCN155	Nguyễn Thị	**Dung**	D17CQCN11-B	APTIS	B2	14/05/2025				
57	B17DCCN187	Nguyễn Thị	**Giang**	D17CQCN07-B	APTIS	B1	14/05/2025				
58	B17DCCN198	Đỗ Thanh	**Hải**	D17CQCN06-B	APTIS	B1	06/03/2025				
59	B17DCCN283	Nguyễn Bá	**Hùng**	D17CQCN07-B	APTIS	B1	14/05/2025				
60	B17DCCN297	Nguyễn Duy	**Hưng**	D17CQCN09-B	APTIS	B1	25/12/2024				
61	B17DCCN325	Trần Tất Quốc	**Huy**	D17CQCN01-B	APTIS	B1	06/03/2025				
62	B17DCCN405	Trần Quang	**Lực**	D17CQCN09-B	APTIS	B2	25/12/2024				
63	B17DCCN443	Nguyễn Thanh	**Nam**	D17CQCN11-B	APTIS	B1	08/05/2025				

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Chứng chỉ Tiếng Anh				Học/thi HP Tiếng Anh		Ghi chú
					Loại chứng chỉ	Điểm	Thời hạn của chứng chỉ	Nơi cấp	Học phần	Điểm	
64	B17DCCN541	Pờ Ly	**Sơn**	D17CQCN01-B	APTIS	B2	06/11/2024				
65	B17DCCN550	Nguyễn Duy	**Tài**	D17CQCN10-B	APTIS	B2	14/05/2025				
66	B17DCCN562	Nguyễn Đức	**Thắng**	D17CQCN10-B	APTIS	B1	24/04/2025				
67	B17DCCN572	Trần Tuấn	**Thành**	D17CQCN08-B	APTIS	B2	06/03/2025				
68	B17DCCN650	Đỗ Văn	**Tuấn**	D17CQCN02-B	APTIS	B2	24/04/2025				
69	B17DCCN685	Hoàng Quốc	**Việt**	D17CQCN01-B	APTIS	B2	08/05/2025				
70	B17DCCN716	Lê Thành	**Duy**	D17CQCN13-B	APTIS	B1	06/03/2025				
71	B17DCDT019	Nguyễn Thái	**Bảo**	D17CQDT03-B	APTIS	B1	24/04/2025				
72	B17DCDT058	Đoàn Quang	**Hà**	D17CQDT02-B	APTIS	B1	13/03/2025				
73	B17DCDT081	Nguyễn Tiến	**Hiệu**	D17CQDT01-B	APTIS	B2	09/01/2025				
74	B17DCDT099	Bùi Quang	**Khải**	D17CQDT03-B	APTIS	B1	22/04/2025				
75	B17DCDT160	Lê Đức	**Sơn**	D17CQDT04-B	APTIS	B2	08/05/2025				
76	B17DCKT107	Mai Đức	**Mạnh**	D17CQKT03-B	APTIS	B1	27/02/2025				
77	B17DCKT172	Nguyễn Huyền	**Trang**	D17CQKT04-B	APTIS	B2	17/04/2025				
78	B17DCMR049	Nguyễn Thị Thu	**Hoài**	D17CQMR01-B	APTIS	B2	24/04/2025				
79	B17DCPT079	Nguyễn Thị Thu	**Hoài**	D17CQPT03-B	APTIS	B1	14/05/2025				
80	B17DCPT223	Nguyễn Duy	**Tùng**	D17CQPT03-B	APTIS	B1	14/05/2025				
81	B17DCQT075	Nguyễn Thị Mai	**Lan**	D17CQQT03-B	APTIS	B2	03/04/2025				
82	B17DCQT077	Hoàng Tú	**Lệ**	D17CQQT01-B	APTIS	B1	10/04/2025				
83	B17DCQT174	Ngụy Thị	**Vân**	D17CQQT02-B	APTIS	B1	06/03/2025				
84	B17DCVT135	Trần Trung	**Hiếu**	D17CQVT07-B	APTIS	B1	20/03/2025				
85	B17DCVT141	Phạm Văn	**Hoàn**	D17CQVT05-B	APTIS	B1	26/02/2025				
86	B17DCVT257	Trần Quang	**Nam**	D17CQVT01-B	APTIS	B1	08/05/2025				

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Chứng chỉ Tiếng Anh				Học/thi HP Tiếng Anh		Ghi chú
					Loại chứng chỉ	Điểm	Thời hạn của chứng chỉ	Nơi cấp	Học phần	Điểm	
87	B17DCVT301	Nguyễn Văn	**Sáng**	D17CQVT05-B	APTIS	B1	05/12/2024				
88	B17DCVT345	Trần Thành	**Thông**	D17CQVT01-B	APTIS	B1	08/05/2025				
89	B17DCCN758	Lê Tuấn	**Anh**	D17CQCN13-B	TOEFL IBT	78	09/02/2024				
90	B16DCVT084	Tạ Quang	**Dũng**	D16CQVT04-B	TOEIC	610	09/05/2025				
91	B17DCAT100	Ngô Thu	**Huyền**	D17CQAT04-B	TOEIC	570	25/12/2024				
92	B17DCCN034	Nguyễn Thị Vân	**Anh**	D17CQCN10-B	TOEIC	560	23/04/2025				
93	B17DCCN450	Phùng Xuân	**Nam**	D17CQCN06-B	TOEIC	590	25/02/2025				
94	B17DCCN478	Mai Long	**Nhật**	D17CQCN10-B	TOEIC	535	09/05/2025				
95	B17DCCN495	Nguyễn Thị	**Phương**	D17CQCN03-B	TOEIC	570	22/04/2025				
96	B17DCDT128	Đỗ Công	**Nam**	D17CQDT04-B	TOEIC	470	18/04/2025				
97	B17DCDT169	Nguyễn Văn	**Thắng**	D17CQDT01-B	TOEIC	485	22/04/2025				
98	B17DCKT069	Võ Thị	**Hường**	D17CQKT01-B	TOEIC	505	05/05/2025				
99	B17DCMR032	Trần Thị Châu	**Giang**	D17CQMR02-B	TOEIC	505	11/05/2025				
100	B17DCMR071	Nguyễn Hoàng Thảo	**Linh**	D17CQMR02-B	TOEIC	635	02/03/2025				
101	B17DCPT252	Nguyễn Thị Khánh	**Linh**	D17CQPT05-B	TOEIC	760	02/02/2025				
102	B17DCQT044	Đinh Thị Bích	**Hằng**	D17CQQT04-B	TOEIC	490	14/03/2025				
103	B17DCTT073	Phạm Thị	**Quỳnh**	D17CQTT01-B	TOEIC	505	24/03/2025				
104	B17DCQT147	Đào Tuấn	**Thành**	D17CQQT03-B	TOEIC	780	12/12/2024				
105	B17DCPT168	Nguyễn Công	**Quyền**	D17CQPT04-B	TOEIC	895	27/08/2024				
106	B17DCAT195	Phạm Sỹ	**Trung**	D17CQAT03-B	TOEIC	450	25/12/2024				
107	B17DCVT004	Nguyễn Quốc	**Ân**	D17CQVT04-B	TOEIC	865	09/02/2025				
108	B17DCDT189	Nguyễn Ngọc	**Trung**	E17CQCN01-B	TOEIC	595	25/12/2024				
109	B17DCVT024	Trần Tuấn	**Anh**	D17CQVT08-B	TOEIC	495	25/12/2024				

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Chứng chỉ Tiếng Anh				Học/thi HP Tiếng Anh		Ghi chú
					Loại chứng chỉ	Điểm	Thời hạn của chứng chỉ	Nơi cấp	Học phần	Điểm	
110	B17DCVT168	Lê Quang	**Huy**	D17CQVT08-B	TOEIC	465	10/01/2025				
111	B17DCCN743	ĐàO Duy	**Hưng**	D17CQCN13-B	APTIS	B1	11/09/2024				
112	B17DCQT058	Trần Thị Minh	**Hòa**	D17CQQT02-B	APTIS	B2	19/06/2024				
113	B17DCCN225	Đỗ Minh	**Hiếu**	D17CQCN09-B	APTIS	B2	25/12/2024				
114	B17DCAT076	Trần Minh	**Hiếu**	D17CQAT04-B	IELTS	7	11/02/2025				
115	B18DCAT010	Phạm Đức	**Anh**	D18CQAT02-B	APTIS	B2	08/05/2025				
116	B18DCAT025	Vũ Ngọc	**Cường**	D18CQAT01-B	APTIS	B2	13/03/2024				
117	B18DCAT155	Vũ Ngọc	**Long**	D18CQAT03-B	APTIS	B2	06/03/2025				
118	B18DCAT174	Hoàng Sỹ	**Nguyên**	D18CQAT02-B	APTIS	B2	15/05/2025				
119	B18DCCN002	Nguyễn Đình	**An**	D18CQCN02-B	APTIS	B2	19/03/2025				
120	B18DCCN054	Phạm Quang	**Bình**	D18CQCN10-B	APTIS	B2	05/03/2025				
121	B18DCCN166	Đỗ Trọng	**Đức**	D18CQCN01-B	APTIS	B2	24/04/2025				
122	B18DCCN184	Trịnh Trung	**Đức**	D18CQCN08-B	APTIS	B2	27/03/2025				
123	B18DCCN214	Lã Trung	**Hiếu**	D18CQCN05-B	APTIS	B1	24/04/2025				
124	B18DCCN373	Đào Xuân	**Lộc**	D18CQCN10-B	APTIS	B1	14/05/2025				
125	B18DCCN412	Trần Đức	**Minh**	D18CQCN05-B	APTIS	B1	23/10/2024				
126	B18DCCN443	Nguyễn Thị	**Ngát**	D18CQCN03-B	APTIS	B1	20/03/2025				
127	B18DCCN548	Hoàng Văn	**Tú**	D18CQCN09-B	APTIS	B1	08/05/2025				
128	B18DCCN615	Nguyễn Duy	**Thành**	D18CQCN10-B	APTIS	B2	05/03/2025				
129	B18DCCN648	Phạm Hữu	**Thuần**	D18CQCN10-B	APTIS	B2	05/03/2025				
130	B18DCDT037	Nguyễn Xuân	**Đại**	D18CQDT01-B	APTIS	B1	24/04/2025				
131	B18DCDT164	Lê Văn	**Nam**	D18CQDT04-B	APTIS	B1	19/02/2025				
132	B18DCDT222	Lê Anh	**Tuấn**	D18CQDT02-B	APTIS	B1	19/02/2025				

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Chứng chỉ Tiếng Anh				Học/thi HP Tiếng Anh		Ghi chú
					Loại chứng chỉ	Điểm	Thời hạn của chứng chỉ	Nơi cấp	Học phần	Điểm	
133	B18DCDT241	Nguyễn Văn	**Thắng**	D18CQDT01-B	APTIS	B1	08/01/2025				
134	B18DCMR123	Hoàng Sỹ	**Mạnh**	D18CQMR03-B	APTIS	B1	08/05/2025				
135	B18DCPT120	Nguyễn Đình	**Khiêm**	D18CQPT05-B	APTIS	B1	12/05/2025				
136	B18DCPT186	Lý Văn	**Quyết**	D18CQPT01-B	APTIS	B2	28/08/2024				
137	B18DCPT196	Nguyễn Văn	**Sơn**	D18CQPT01-B	APTIS	B2	19/02/2025				
138	B18DCQT037	Lâm Hữu	**Đang**	D18CQQT01-B	APTIS	B1	26/12/2024				
139	B18DCQT054	Đỗ Hoàng	**Hiệp**	D18CQQT02-B	APTIS	B2	28/11/2024				
140	B18DCQT076	Nguyễn Thị	**Hương**	D18CQQT04-B	APTIS	B1	14/05/2025				
141	B18DCVT063	Lê Tiến	**Dũng**	D18CQVT07-B	APTIS	B1	06/03/2025				
142	B18DCVT107	Đặng Trọng	**Đức**	D18CQVT03-B	APTIS	B2	07/01/2025				
143	B18DCVT294	Nguyễn Xuân	**Minh**	D18CQVT06-B	APTIS	B1	13/02/2025				
144	B18DCVT363	Kiều Văn	**Toàn**	D18CQVT03-B	APTIS	B1	21/08/2024				
145	B18DCVT396	Hòa Quang	**Thanh**	D18CQVT04-B	APTIS	B1	27/02/2025				
146	B18DCVT408	Nguyễn Công	**Thắng**	D18CQVT08-B	APTIS	B1	25/02/2025				
147	B18DCVT163	Trần Xuân	**Hiếu**	D18CQVT03-B	APTIS	B2	19/03/2025				
148	B18DCDT235	Phạm Duy	**Thành**	D18CQDT03-B	APTIS	B1	28/08/2024				
149	B18DCCN564	Nguyễn Đình Anh	**Tuấn**	D18CQCN03-B	APTIS	B1	14/05/2025				
150	B18DCAT030	Đặng Đức	**Danh**	D18CQAT02-B	TOEIC	640	11/05/2025				
151	B18DCAT098	Ngô Sỹ	**Hoàng**	D18CQAT02-B	TOEIC	520	06/04/2025				
152	B18DCAT228	Trịnh Thanh	**Tùng**	D18CQAT04-B	TOEIC	525	28/04/2025				
153	B18DCCN012	Đỗ Lâm	**Anh**	D18CQCN01-B	TOEIC	910	09/03/2025				
154	B18DCCN186	Đinh Hương	**Giang**	D18CQCN10-B	TOEIC	785	11/05/2025				
155	B18DCCN192	Nguyễn Quang	**Hà**	D18CQCN05-B	TOEIC	475	28/01/2025				

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Chứng chỉ Tiếng Anh				Học/thi HP Tiếng Anh		Ghi chú
					Loại chứng chỉ	Điểm	Thời hạn của chứng chỉ	Nơi cấp	Học phần	Điểm	
156	B18DCCN215	Nguyễn Đình	**Hiếu**	D18CQCN06-B	TOEIC	735	18/01/2025				
157	B18DCCN229	Vũ Minh	**Hiếu**	D18CQCN09-B	TOEIC	620	15/05/2025				
158	B18DCCN231	Ngô Trí	**Hoà**	D18CQCN11-B	TOEIC	455	13/05/2025				
159	B18DCCN400	Hoàng Lê	**Minh**	D18CQCN04-B	TOEIC	520	22/04/2025				
160	B18DCCN441	Lê Thị Quỳnh	**Nga**	D18CQCN01-B	TOEIC	575	22/04/2025				
161	B18DCCN515	Ngô Ngọc	**Sơn**	D18CQCN09-B	TOEIC	470	23/04/2025				
162	B18DCCN663	Phạm Thị Huyền	**Trang**	D18CQCN03-B	TOEIC	470	14/05/2025				
163	B18DCCN684	Lê Sỹ	**Văn**	D18CQCN02-B	TOEIC	475	18/01/2025				
164	B18DCDT086	Trần Đình	**Hoàng**	D18CQDT02-B	TOEIC	550	03/01/2025				
165	B18DCDT144	Đỗ Đức	**Mạnh**	D18CQDT04-B	TOEIC	665	22/04/2025				
166	B18DCKT089	Mai Thị Thùy	**Linh**	D18CQKT01-B	TOEIC	455	09/12/2024				
167	B18DCMR006	Cao Thị Vân	**Anh**	D18CQMR02-B	TOEIC	690	22/04/2025				
168	B18DCMR047	Vũ Anh	**Đức**	D18CQMR03-B	TOEIC	575	15/12/2023				
169	B18DCMR152	Hoàng Thị Nam	**Phương**	D18CQMR04-B	TOEIC	870	26/03/2025				
170	B18DCPT122	Hoàng Thị	**Lam**	D18CQPT02-B	TOEIC	525	15/05/2025				
171	B18DCPT197	Hoàng Văn	**Tài**	D18CQPT02-B	TOEIC	580	25/02/2025				
172	B18DCQT166	Trần Hoàng	**Trung**	D18CQQT02-B	TOEIC	525	24/04/2025				
173	B18DCVT014	Lương Hoàng	**Anh**	D18CQVT06-B	TOEIC	610	09/01/2025				
174	B18DCVT053	Mai Thế	**Dân**	D18CQVT05-B	TOEIC	450	25/02/2025				
175	B18DCVT300	Mai Phương	**Nam**	D18CQVT04-B	TOEIC	715	25/09/2024				
176	B18DCVT302	Nguyễn Phương	**Nam**	D18CQVT06-B	TOEIC	680	13/04/2025				
177	B18DCVT398	Bùi Tuấn	**Thành**	D18CQVT06-B	TOEIC	495	17/02/2025				
178	B18DCCN555	Nguyễn Mạnh	**Tuân**	D18CQCN05-B	TOEIC	775	12/05/2025				

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Chứng chỉ Tiếng Anh				Học/thi HP Tiếng Anh		Ghi chú
					Loại chứng chỉ	Điểm	Thời hạn của chứng chỉ	Nơi cấp	Học phần	Điểm	
179	B18DCDT094	Nguyễn Quang	**Hùng**	D18CQDT02-B	TOEIC	550	27/08/2024				
180	B18DCCN273	Trương Tuấn	**Huy**	D18CQCN09-B	APTIS	B2	02/04/2025				
181	B18DCDT060	Ngô Thanh	**Giang**	D18CQDT04-B	APTIS	B2	07/08/2024				
182	B18DCKT105	Vũ Thị Khánh	**Ly**	D18CQKT01-B	APTIS	B1	17/04/2025				
183	B18DCVT032	Nguyễn Hữu Tuấn	**Bảo**	D18CQVT08-B	APTIS	B2	31/07/2024				
184	B18DCAT086	Nguyễn Công	**Hiếu**	D18CQAT02-B	TOEIC	670	30/11/2024				
185	B18DCAT210	Nguyễn Bảo	**Tín**	D18CQAT02-B	TOEIC	640	22/04/2025				
186	B18DCAT266	Đỗ Minh	**Vũ**	D18CQAT02-B	TOEIC	940	16/12/2024				
187	B18DCCN023	Nguyễn Nhân Hoàng	**Anh**	D18CQCN01-B	TOEIC	720	22/04/2025				
188	B18DCCN025	Nguyễn Quỳnh	**Anh**	D18CQCN03-B	TOEIC	785	06/01/2025				
189	B18DCCN179	Phạm Minh	**Đức**	D18CQCN03-B	TOEIC	645	05/01/2025				
190	B18DCCN552	Trần Anh	**Tú**	D18CQCN02-B	TOEIC	855	10/01/2025				
191	B18DCCN556	Cao Anh	**Tuấn**	D18CQCN06-B	TOEIC	755	05/05/2025				
192	B18DCCN563	Nguyễn Anh	**Tuấn**	D18CQCN02-B	TOEIC	705	25/12/2024				
193	B18DCCN619	Phạm Công	**Thành**	D18CQCN03-B	TOEIC	760	27/04/2025				
194	B18DCCN690	Nguyễn Quang	**Vinh**	D18CQCN08-B	TOEIC	900	30/12/2024				
195	B18DCDT073	Đỗ Xuân	**Hiếu**	D18CQDT01-B	TOEIC	655	09/09/2024				
196	B18DCDT117	Nguyễn Văn	**Khởi**	D18CQDT01-B	TOEIC	550	23/04/2025				
197	B18DCMR122	Quách Lê Hà	**Ly**	D18CQMR02-B	TOEIC	625	16/01/2025				
198	B18DCMR154	Nguyễn Thị	**Phương**	D18CQMR02-B	TOEIC	840	11/05/2025				
199	B18DCPT055	Nguyễn Tiến	**Đạt**	D18CQPT05-B	TOEIC	885	13/04/2025				
200	B18DCPT106	Vương Việt	**Huy**	D18CQPT01-B	TOEIC	770	25/12/2024				
201	B18DCPT131	Nguyễn Nhật	**Linh**	D18CQPT01-B	TOEIC	755	22/04/2025				

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Chứng chỉ Tiếng Anh				Học/thi HP Tiếng Anh		Ghi chú
					Loại chứng chỉ	Điểm	Thời hạn của chứng chỉ	Nơi cấp	Học phần	Điểm	
202	B18DCPT142	Lê Tuấn	**Long**	D18CQPT02-B	TOEIC	915	15/05/2025				
203	B18DCPT241	Trần	**Trung**	D18CQPT01-B	TOEIC	855	07/04/2025				
204	B18DCQT118	Nguyễn Thị Thanh	**Ngọc**	D18CQQT02-B	TOEIC	560	25/12/2024				
205	B18DCVT103	Vũ Đức	**Độ**	D18CQVT07-B	TOEIC	970	10/02/2025				
206	B18DCVT298	Đặng Phương	**Nam**	D18CQVT02-B	TOEIC	600	24/08/2024				
207	B18DCAT226	Nguyễn Xuân	**Tùng**	D18CQAT02-B	TOEIC	750	09/01/2025				
208	B18DCCN285	Nguyễn Quốc	**Hưng**	D18CQCN10-B	TOEIC	760	11/12/2023				
209	B18DCPT117	Hoàng Xuân	**Khang**	D18CQPT02-B	TOEIC	805	20/12/2024				
210	B18DCPT201	Hoàng Minh	**Tú**	D18CQPT01-B	TOEIC	780	07/04/2025				
211	B18DCPT228	Phạm Thị	**Thùy**	D18CQPT03-B	TOEIC	515	14/01/2025				
212	B18DCQT135	Nguyễn Như	**Quỳnh**	D18CQQT03-B	TOEIC	530	03/07/2024				
213	B18DCTT073	Lê Ngọc	**Nam**	D18CQTT01-B	TOEIC	550	31/08/2024				
214	B18DCVT193	Đặng Quang	**Huy**	D18CQVT01-B	TOEIC	505	16/09/2024				
215	B18DCVT428	Nguyễn Viết	**Trung**	D18CQVT04-B	TOEIC	730	25/12/2024				
216	B18DCAT069	Đinh Mạnh	**Hải**	D18CQAT01-B	TOEIC	770	26/03/2000				
217	B17DCVT046	Nguyễn Như	**Cương**	E18CQCN01-B	TOEIC	660	25/12/2024				
218	B18DCAT172	Bùi Khắc	**Ngọc**	D18CQAT04-B					B12	7.1	
219	B16DCCN030	Nguyễn Xuân	**Chiến**	D16CNPM3					Thi CĐR	5.5	
220	B16DCDT114	Vương Quốc	**Huy**	D16DTMT					Thi CĐR	6.3	
221	B16DCPT210	Nguyễn Quang	**Anh**	D16TKDPT3					Thi CĐR	7.5	
222	B17DCAT165	Lê Đức	**Thắng**	D17CQAT01-B					Thi CĐR	7.0	
223	B17DCKT175	Nguyễn Thị Thu	**Trang**	D17CQKT03-B					Thi CĐR	4.3	
224	B17DCCN118	Phạm Quốc	**Đạt**	D17HTTT5					Thi CĐR	6.6	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Chứng chỉ Tiếng Anh				Học/thi HP Tiếng Anh		Ghi chú
					Loại chứng chỉ	Điểm	Thời hạn của chứng chỉ	Nơi cấp	Học phần	Điểm	
225	B17DCPT083	Nguyễn Lê	**Hoàng**	D17PTDPT2					Thi CĐR	7.9	
226	B17DCQT054	Nguyễn Đăng	**Hiếu**	D17TMDT1					Thi CĐR	7.9	
227	B18DCCN191	Nguyễn Huy	**Hà**	D18CNPM2					Thi CĐR	8.5	
228	B18DCCN017	Lê Đức Phan	**Anh**	D18CNPM3					Thi CĐR	7.0	
229	B18DCCN368	Vũ Hải	**Long**	D18CNPM3					Thi CĐR	6.3	
230	B18DCCN478	Trung Thị	**Phương**	D18CNPM3					Thi CĐR	6.6	
231	B18DCCN139	Nguyễn Tiến	**Đạt**	D18CNPM4					Thi CĐR	6.9	
232	B18DCCN216	Nguyễn Minh	**Hiếu**	D18CNPM4					Thi CĐR	7.8	
233	B18DCCN217	Nguyễn Minh	**Hiếu**	D18CNPM4					Thi CĐR	8.3	
234	B18DCCN369	Vũ Hoàng	**Long**	D18CNPM4					Thi CĐR	5.8	
235	B18DCCN637	Hoàng Công	**Thiện**	D18CNPM6					Thi CĐR	6.4	
236	B18DCAT150	Trần Ngọc	**Long**	D18CQAT02-B					Thi CĐR	6.3	
237	B18DCAT219	Lương Ngọc Sơn	**Tùng**	D18CQAT03-B					Thi CĐR	7.1	
238	B18DCTT068	Nguyễn Quang	**Minh**	D18CQTT02-B					Thi CĐR	8.4	
239	B18DCTT090	Cung Huyền	**Phương**	D18CQTT02-B					Thi CĐR	7.7	
240	B18DCVT027	Vũ Tiến	**Anh**	D18CQVT03-B					Thi CĐR	7.4	
241	B18DCVT216	Phạm Tiến	**Hưng**	D18CQVT08-B					Thi CĐR	5.9	
242	B18DCVT288	Lê Quang	**Minh**	D18CQVT08-B					Thi CĐR	5.6	
243	B18DCCN541	Nguyễn Mạnh	**Toàn**	D18HTTT2					Thi CĐR	5.4	
244	B18DCCN313	Nguyễn Khả	**Khiêm**	D18HTTT3					Thi CĐR	5.8	
245	B18DCCN324	Phạm Tùng	**Lâm**	D18HTTT3					Thi CĐR	6.1	
246	B18DCCN359	Phùng Hoàng	**Long**	D18HTTT4					Thi CĐR	7.2	
247	B18DCCN436	Trần Hoài	**Nam**	D18HTTT4					Thi CĐR	7.9	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Chứng chỉ Tiếng Anh				Học/thi HP Tiếng Anh		Ghi chú
					Loại chứng chỉ	Điểm	Thời hạn của chứng chỉ	Nơi cấp	Học phần	Điểm	
248	B18DCCN076	Dương Văn	**Chiến**	D18HTTT6					Thi CĐR	4.5	
249	B18DCCN154	Vũ Minh	**Đăng**	D18HTTT6					Thi CĐR	5.6	
250	B18DCCN220	Nguyễn Trung	**Hiếu**	D18HTTT6					Thi CĐR	7.6	
251	B18DCCN253	Đỗ Viết	**Hùng**	D18HTTT6					Thi CĐR	7.5	
252	B18DCPT022	Hoàng Thị	**Ánh**	D18TKDPT1					Thi CĐR	6.5	
253	B18DCPT014	Phạm Thị Vân	**Anh**	D18TKDPT2					Thi CĐR	6.1	
254	B18DCPT004	Bùi Quỳnh	**Anh**	D18TKDPT2					Thi CĐR	8.4	
255	B18DCPT058	Cao Hải	**Đăng**	D18TKDPT2					Thi CĐR	6.9	
256	B18DCPT144	Nguyễn Văn	**Long**	D18TKDPT3					Thi CĐR	6.7	
257	B18DCVT066	Nguyễn Tiến	**Dũng**	E18CQCN02-B					Thi CĐR	5.5	
258	B18DCVT441	Nguyễn Quốc	**Việt**	E18CQCN02-B					Thi CĐR	5.6	

Danh sách gồm 258 sinh viên

LẬP BIỂU

Chu Phương Hiền

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TS. Vũ Tuấn Lâm